

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công các hạng mục công qua đê tả sông Hoạt thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo đê tả sông Hoạt đoạn từ trạm bơm Đông Thôn, xã Yên Dương đến cầu Hà Thanh, xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 113/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phân bổ kinh phí xử lý khẩn cấp các công trình khắc phục hậu quả do mưa, lũ gây ra từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, cải tạo đê tả sông Hoạt đoạn từ trạm bơm Đông Thôn, xã Yên Dương đến cầu Hà Thanh, xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 5425/SNN&PTNT-TL ngày 23/11/2021 và UBND huyện Hà Trung tại Công văn số 3082/UBND-BQLDA ngày 05/11/2021 (kèm theo hồ sơ) về việc cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công các hạng mục công qua đê tả sông Hoạt thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo đê tả sông Hoạt đoạn từ trạm bơm Đông Thôn, xã Yên Dương đến cầu Hà Thanh, xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công các hạng mục công qua đê tả sông Hoạt thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo đê tả sông Hoạt đoạn từ trạm bơm Đông Thôn, xã Yên Dương đến cầu Hà Thanh, xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Tên các hạng mục công trình: Các công qua đê tả sông Hoạt thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo đê tả sông Hoạt đoạn từ trạm bơm Đông Thôn, xã Yên Dương đến cầu Hà Thanh, xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Hà Trung.

3. Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty cổ phần xây dựng đầu tư và thương mại Thanh Quảng.

4. Vị trí xây dựng:

- Công làm mới tại các vị trí: K17+635; K18+485; K21+185; K23+955 đê tả sông Hoạt (đê cấp IV), xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung.

- Công nối dài tại các vị trí: K17+285; K17+315; K19+165; K22+855; K23+655; K23+915; K23+975 đê tả sông Hoạt (đê cấp IV), xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung.

5. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu của các công:

(Chi tiết có các phụ lục và hồ sơ thiết kế gửi kèm theo)

6. Thời gian được phép cắt đê: Được phép cắt đê để thi công các hạng mục công qua đê từ ngày 01/12/2021 đến ngày 30/6/2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện xây dựng các hạng mục công qua đê tả sông Hoạt thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo đê tả sông Hoạt đoạn từ trạm bơm Đông Thôn, xã Yên Dương đến cầu Hà Thanh, xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đảm bảo theo thiết kế được duyệt và các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu chủ đầu tư thực hiện một số nội dung sau:

- Chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế:

+ Thiết kế bổ sung quy trình vận hành đóng mở cửa công và con phai dự phòng cho công để vận hành khi có sự cố.

+ Bổ sung đắp đất sét luyện xung quanh thân công để đáp ứng yêu cầu ổn định thấm, đảm bảo liên kết bền vững giữa mặt tiếp xúc công với thân đê (gồm công tại các vị trí: K17+285; K17+315; K18+485; K19+165; K21+185; K22+855; K23+655; K23+915; K23+955; K23+975).

+ Bổ sung các bản vẽ chỉ dẫn kỹ thuật chi tiết tại các khớp nối thân cống.

- Chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo nhà thầu thi công theo đúng Quyết định cấp phép của UBND tỉnh, đảm bảo chất lượng, tiến độ, kỹ, mỹ thuật, an toàn cho công trình và đoạn đê trong quá trình thi công và khai thác, sử dụng.

- Trước khi xây dựng công trình, chủ đầu tư thông báo cho Chi cục Thủy lợi biết để cử lực lượng quản lý đê theo dõi, giám sát quá trình thực hiện.

- Ngoài việc thi công xây dựng công trình theo Quyết định cấp giấy phép của UBND tỉnh, chủ đầu tư và nhà thầu thi công không được tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông làm ảnh hưởng đến an toàn đê điều và thoát lũ của sông Hoạt.

- Sau khi thi công hoàn thành công trình, chủ đầu tư và nhà thầu thi công chịu trách nhiệm hoàn trả lại mặt đê, mái đê, hành lang bảo vệ đê và bãi sông theo hiện trạng ban đầu; thanh thải vật liệu, phế thải trong khu vực thi công; đồng thời gửi hồ sơ hoàn công về Chi cục Thủy lợi để theo dõi phục vụ công tác phòng, chống lụt bão.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1: KÍCH THƯỚC HỐ MÓNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CÁC CÔNG LÀM MỚI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên công	Kích thước hố móng và các chỉ tiêu kỹ thuật	
		Kích thước hố móng	Các chỉ tiêu kỹ thuật
1	Cống tại K17+635 đê tả sông Hoạt	- Cao trình đỉnh đê tại vị trí xây dựng cống: (+4.50) m - Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (+0.38) m - Mái mở móng: m = 1,5 - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại mặt đê: L = 13,22 m - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: L = 2,96 m	Hình thức cống tròn, đường kính D800; kết cấu cống bằng bê tông ly tâm H30; vị trí tim cống mới cách tim cống cũ về phía thượng lưu đê 0,6 m; cao trình đáy cống (+0.83) m; thân cống dài L = 14,6 m; xung quanh thân cống đắp đất sét luyện; khớp nối thân cống bằng PVC; cao trình sân tiêu năng (-0.05) m; tường đầu, sân tiêu năng hạ lưu làm bằng bê tông thường (BTT) M200; nền móng cống gia cố bằng cọc tre D6÷D8, dài 2,5 m, mật độ cọc 25 cọc/m ² ; dàn công tác làm bằng bê tông cốt thép (BTCT) M250; cánh cửa cống bằng Composite, vận hành đóng mở bằng ổ khóa V3
2	Cống tại K18+485 đê tả sông Hoạt	- Cao trình đỉnh đê tại vị trí xây dựng cống: (+4.50) m - Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (-0.95) m - Mái mở móng: m = 1,5 - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại mặt đê: L = 18,17 m - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: L = 3,3 m	Hình thức cống hộp 1 cửa, khẩu diện cống (bxh) = (1,5x1,6) m; kết cấu cống bằng BTCT M250; vị trí tim cống mới cách tim cống cũ về phía hạ lưu đê 0,9 m; cao trình đáy cống (-0.50) m; thân cống dài L = 19,56 m; khớp nối thân cống bằng PVC; cao trình sân tiêu năng (-1.70) m; tường đầu, sân tiêu năng hạ lưu bằng BTCT M250; sân trước, sân sau bằng BTT M200; nền móng cống gia cố bằng cọc tre D6÷D8, dài 2,5 m, mật độ cọc 25 cọc/m ² ; dàn công tác làm bằng BTCT M250; cánh cửa cống bằng Composite, vận hành đóng mở bằng ổ khóa V5

STT	Tên cống	Kích thước hố móng và các chỉ tiêu kỹ thuật	
		Kích thước hố móng	Các chỉ tiêu kỹ thuật
3	Cống tại K21+185 đê tả sông Hoạt	- Cao trình đỉnh đê tại vị trí xây dựng cống: (+4.50) m - Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (-0.95) m - Mái mở móng: m = 1,5 - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại mặt đê: L = 19,93 m - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: L = 3,3 m	Hình thức cống hộp 1 cửa, khẩu diện cống (bxh) = (1,5x1,6) m; kết cấu cống bằng BTCT M250; vị trí tim cống mới cách tim cống cũ về phía hạ lưu đê 3 m; cao trình đáy cống (-0.50) m; thân cống dài L = 19,56 m; khớp nối thân cống bằng PVC; cao trình sân tiêu năng (-1.10) m; tường đầu, sân tiêu năng hạ lưu bằng BTCT M250; sân trước, sân sau bằng BTT M200; nền móng cống gia cố bằng cọc tre D6÷D8, dài 3 m, mật độ cọc 25 cọc/m ² ; dàn công tác làm bằng BTCT M250; cánh cửa cống bằng Composite, vận hành đóng mở bằng ổ khóa V5
4	Cống tại K23+955 đê tả sông Hoạt	- Cao trình đỉnh đê tại vị trí xây dựng cống: (+4.50) m - Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (-0.95) m - Mái mở móng: m = 1,5 - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại mặt đê: L = 9,8 m - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: L = 3,3 m	Hình thức cống hộp 1 cửa, khẩu diện cống (bxh) = (1,5x1,6) m, kết cấu cống bằng BTCT M250, vị trí tim cống mới cách tim cống cũ về phía hạ lưu đê 2,3 m; cao trình đáy cống (-0.50) m, thân cống dài L = 23,6 m; khớp nối thân cống bằng PVC; cao trình sân tiêu năng (-1.10) m; tường đầu, sân tiêu năng hạ lưu bằng BTCT M250; sân trước, sân sau bằng BTT M200; nền móng cống gia cố bằng cọc tre D6÷D8, dài 3 m, mật độ cọc 25 cọc/m ² ; dàn công tác làm bằng BTCT M250; cánh cửa cống bằng Composite, vận hành đóng mở bằng ổ khóa V5

PHỤ LỤC 2: KÍCH THƯỚC HỐ MÓNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CÁC CỐNG NỒI DÀI
 (Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên cống	Kích thước hố móng và các chỉ tiêu kỹ thuật	
		Kích thước hố móng	Các chỉ tiêu kỹ thuật
1	Cống tại K17+285 đê tả sông Hoạt	- Cao trình đỉnh đê tại vị trí xây dựng cống: (+4.64)m - Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (+1.44) m - Mái mở móng: m = 1,5 - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại mặt đê: L = 13,18 m - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: L = 5,4 m	Nối dài cống về phía sông, hình thức cống hộp 1 cửa, khẩu diện cống (b _{xh}) = (1,6x1,5) m, kết cấu cống bằng BTCT M250; cao trình đáy cống (+1.89) m; cao trình sân tiêu năng (-2.30) m; tường đầu, sân tiêu năng hạ lưu bằng BTCT M250; sân tiêu năng cống gia cố bằng cọc tre D6÷D8, dài 3 m, mật độ cọc 25 cọc/m ² ; cao trình dàn công tác (+6.94) m, kết cấu dàn công tác bằng BTCT M250; cánh cửa cống bằng Composite, vận hành đóng mở bằng ổ khóa V5
2	Cống tại K17+315 đê tả sông Hoạt	- Cao trình đỉnh đê tại vị trí xây dựng cống: (+4.50)m - Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (-1.99) m - Mái mở móng: m = 1,5 - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: L = 3,05 m	Nối dài cống về phía sông, hình thức cống hộp 1 cửa, khẩu diện cống (b _{xh}) = (1,25x1,5) m; kết cấu cống bằng BTCT M250; cao trình đáy cống (-1.54) m; cao trình sân tiêu năng (-2.34) m; tường đầu, sân tiêu năng hạ lưu bằng BTCT M250; sân tiêu năng cống gia cố bằng cọc tre D6÷D8, dài 3 m, mật độ cọc 25 cọc/m ² ; cao trình dàn công tác (+4.45) m, kết cấu dàn công tác bằng BTCT M250; cánh cửa cống bằng Composite, vận hành đóng mở bằng ổ khóa V5

STT	Tên cống	Kích thước hố móng và các chỉ tiêu kỹ thuật	
		Kích thước hố móng	Các chỉ tiêu kỹ thuật
3	Cống tại K19+165 đê tả sông Hoạt		Nối dài 4 ống xả nước của Trạm bơm Vân Điền về phía sông, ống nối thêm có đường kính D300; cao trình sân tiêu năng (-1.27) m; sân tiêu năng hạ lưu bằng BTCT M250; sân tiêu năng cống gia cố bằng cọc tre D6÷D8, dài 3 m, mật độ cọc 25 cọc/m ² ; sân sau kết cấu bằng BTT M200
4	Cống tại K22+855 đê tả sông Hoạt	- Cao trình đỉnh đê tại vị trí xây dựng cống: (+3.93)m - Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (+2.28) m - Mái mở móng: m = 1,5 - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại mặt đê: L = 9,5 m - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: L = 5,8 m	Nối dài cống về phía sông, hình thức cống hộp 1 cửa, khẩu diện cống (b x h) = (2 x 1) m, kết cấu cống bằng BTCT M250; cao trình đáy cống (+2.73) m; cao trình sân tiêu năng (-1.47) m; tường đầu, sân tiêu năng hạ lưu bằng BTCT M250; sân tiêu năng cống gia cố bằng cọc tre D6÷D8, dài 3 m, mật độ cọc 25 cọc/m ² ; cao trình dàn công tác (+6.08) m, kết cấu dàn công tác bằng BTCT M250; sân sau kết cấu bằng BTT M200; cánh cửa cống bằng Composite, vận hành đóng mở bằng ổ khóa V5

STT	Tên cống	Kích thước hố móng và các chỉ tiêu kỹ thuật	
		Kích thước hố móng	Các chỉ tiêu kỹ thuật
5	Cống tại K23+655 đê tả sông Hoạt	- Cao trình đỉnh đê tại vị trí xây dựng cống: (+3.88)m - Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (-0.94) m - Mái mở móng: m = 1,5 - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại thân cống: L = 15,56 m - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: L = 4,8 m	Nối dài cống về phía sông, hình thức cống hộp 1 cửa, khẩu diện cống (bxh) = (1x1) m; kết cấu cống bằng BTCT M250; cao trình đáy cống (-0.49) m; cao trình sân tiêu năng (-2.09) m; tường đầu, sân tiêu năng hạ lưu bằng BTCT M250; sân tiêu năng cống gia cố bằng cọc tre D6÷D8, dài 3 m, mật độ cọc 25 cọc/m ² ; cao trình dàn công tác (+3.83) m, kết cấu dàn công tác bằng BTCT M250; sân sau kết cấu bằng BTT M200; cánh cửa cống bằng Composite, vận hành đóng mở bằng ổ khóa V3
6	Cống tại K23+915 đê tả sông Hoạt	- Cao trình đỉnh đê tại vị trí xây dựng cống: (+3.10)m - Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (+0.37) m - Mái mở móng: m = 1,5 - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại thân cống: L = 6,59 m - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: L = 2,5 m	Nối dài cống về phía sông, hình thức cống hộp 1 cửa, khẩu diện cống (bxh) = (0,7x0,8) m, kết cấu cống bằng BTCT M250; cao trình đáy cống (+0.82) m; cao trình sân tiêu năng (+0.22) m; sân tiêu năng hạ lưu bằng BTCT M250; sân tiêu năng cống gia cố bằng cọc tre D6÷D8, dài 3 m, mật độ cọc 25 cọc/m ² ; sân sau kết cấu bằng BTT M200; cánh cửa cống bằng Composite, vận hành đóng mở cống bằng ổ khóa V3

STT	Tên cống	Kích thước hố móng và các chỉ tiêu kỹ thuật	
		Kích thước hố móng	Các chỉ tiêu kỹ thuật
7	Cống tại K23+975 đê tả sông Hoạt	- Cao trình đỉnh đê tại vị trí xây dựng cống: (+4.50)m - Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (-1.40) m - Mái mở móng: m = 1,5 - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại thân cống: L = 16,33 m - Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: L = 3,3 m	Nối dài cống về phía sông, hình thức cống hộp 1 cửa, khẩu diện cống (b x h) = (1,5 x 1,5) m, kết cấu cống bằng BTCT M250; cao trình đáy cống (-0.95) m; cao trình sân tiêu năng (-1.75) m; tường đầu, sân tiêu năng hạ lưu bằng BTCT M250; sân tiêu năng cống gia cố bằng cọc tre D6÷D8, dài 3 m, mật độ cọc 25 cọc/m ² ; cao trình dàn công tác (+4.45) m, kết cấu dàn công tác bằng BTCT M250; sân sau kết cấu bằng BTT M200; cánh cửa cống bằng Composite, vận hành đóng mở bằng ổ khóa V5